TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18/4/2022
V/v *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Duy Nam
Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc *"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Hoàng Quốc Việt - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ (có mặt).
Bị đơn: Anh Hà Văn D, sinh năm 1985
Địa chỉ: Xóm N, xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.
(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2021, các lời khai tiếp theo tại Tòa án như sau:

Chị và anh Hà Văn D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 24/11/2006. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tôn trọng yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và không thống nhất với nhau trong cách xây dựng làm ăn kinh tế gia

đình, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D thường xuyên uống rượu và đánh đập chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Hà Văn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Hà Thị H xác định hai vợ chồng có 02 con chung là Hà Quyết T, sinh ngày 17/02/2007 và Hà T P, sinh ngày 14/6/2018. Sau ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Hà Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2022, bị đơn anh Hà Văn D trình bày:

Anh và chị Hà Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 24/11/2006. Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng hạnh P, khoảng năm 2018 hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày là đúng, thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng có đôi lúc mâu thuẫn nhưng anh D thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Nay chị H xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn, anh D chỉ nhất trí ly hôn khi hai vợ chồng giải quyết xong về công nợ.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có 02 con chung là Hà Quyết T, sinh ngày 17/02/2007 và Hà T P, sinh ngày 14/6/2018, nếu phải ly hôn anh đề nghị Tòa án cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà T P, còn cháu Hà Quyết T có nguyện vọng ở ai thì tôn trọng theo nguyện vọng của cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Tại bản tự khai ngày 26/10/2021, cháu Hà Quyết T trình bày: Có nguyện vọng ở với mẹ khi vợ chồng chị H và anh D ly hôn.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật về tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử T hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tống đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

Về nội dung vụ án đề nghị hướng giải quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Văn D.

Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng Hà Quyết T, sinh ngày 17/02/2007 và Hà T P, sinh ngày 14/6/2018. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H vì chị H tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn: Miễn tiền án phí cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị xin ly hôn với anh Hà Văn D. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn D vắng mặt, tuy nhiên ngày 11/4/2022 chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt lần 2 không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn D.

Chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn D đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy vụ án không T hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hà Thị H và anh Hà Văn D tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Như vậy chị H và anh D kết hôn đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh D là không có căn cứ chấp nhận vì: Về tình cảm anh D và chị H đều thừa nhận vợ chồng đã mâu thuẫn kéo dài, nay anh D không nhất trí ly hôn nhưng sẽ nhất trí ly hôn khi hai vợ chồng giải quyết xong về công nợ, do đó yêu cầu xin đoàn tụ của anh D là không thực tâm; Qua xác minh tại địa phương thì thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H và anh D như chị H trình bày là đúng, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cần xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với thực tế tình cảm vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Xét việc chị H xin được nuôi con chung sau ly hôn và anh D có quan điểm nhất trí cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà T P còn cháu Hà Quyết T có nguyện vọng ở với ai thì tôn trọng theo nguyện vọng của cháu. Anh D và chị H đều có nghề nghiệp lao động tự do thu nhập là tương đương nhau, hiện nay các con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng phát triển bình thường, mặt khác nguyện vọng của con chung là cháu T cũng mong muốn được mẹ đẻ (chị

H) trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung; Không buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H tự nguyện không yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp:* Chị H và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Hà Thị H là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền tạm ứng án phí và nay miễn án phí cho chị H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn anh Hà Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Hà Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hà Quyết T, sinh ngày 17/02/2007 và Hà T P, sinh ngày 14/6/2018 từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung đã thành niên. Anh Hà Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hà Thị H vì chị Hà Thị H tự nguyện không yêu cầu. Anh Hà Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, các thành viên trong gia đình và chị Hà Thị H không ai được cản trở anh Hà Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị H và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn cho chị Hà Thị H. Chị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo số 675/TB-TA, ngày 13/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử P thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuấn Anh